

Unit 10: The ecosystem

WORD	PRONUNCIATION	MEANING
biodiversity (n)	/ˌbaɪəʊdaɪˈvɜːsəti/	đa dạng sinh học
conservation (n)	/ˌkɒnsəˈveɪʃn/	sự bảo tồn thiên nhiên
coral reef (np)	/ˌkɒrəl ˈriːf/	rạn san hô
delta (n)	/ˈdeltə/	đồng bằng
destroy (v)	/dɪˈstrɔɪ/	phá huỷ
ecosystem (n)	/ˈiːkəʊˌsɪstəm/	hệ sinh thái
endangered (adj)	/ɪnˈdeɪndʒəd/	bị nguy hiểm
fauna (n)	/ˈfəʊnə/	động vật
flora (n)	/ˈflɔːrə/	thực vật
food chain (n)	/ˈfuːd tʃeɪn/	chuỗi thức ăn
green (adj)	/ɡriːn/	(lối sống) xanh
habitat (n)	/ˈhæbɪtæt/	khu vực sống
living things	/ˈlɪvɪŋ θɪŋz/	các sinh vật sống
mammal (n)	/ˈmæml/	động vật có vú
national park (n)	/ˌnæʃnəl ˈpɑːk/	rừng quốc gia
native (adj)	/ˈneɪtɪv/	tự nhiên
natural resources (np)	/ˌnætʃrəl rɪˈzɔːsɪz/	tài nguyên thiên nhiên
pangolin (n)	/pæŋˈɡəʊlɪn/	con tê tê
resource (n)	/rɪˈsɔːs/, /rɪˈzɔːs/	nguồn lực
species (n)	/ˈspiːʃiːz/	loài
tropical forest (np)	/ˌtrɒpɪkl ˈfɒrɪst/	rừng nhiệt đới
wildlife (n)	/ˈwaɪldlaɪf/	động vật hoang dã

Noun			
1	Ecosystem	/ˈi:kəʊsɪstəm/	Hệ sinh thái
2	Insect	/ˈɪnsekt/	Côn trùng
3	Community	/kəˈmju:nəti/	Cộng đồng
4	Flora	/ˈflɔ:rə/	Hệ thực vật
5	Fauna	/ˈfɔ:nə/	Hệ động vật
6	Organism	/ˈɔ:gənɪzəm/	Cơ quan
7	Bacteria	/bækˈtɪəriə/	Vi khuẩn
8	Survival	/səˈvaɪvl/	Sự tồn tại
9	Energy	/ˈenədʒi/	Năng lượng
10	Pollution	/pəˈlu:ʃn/	Sự ô nhiễm
11	Overuse	/əʊvəˈju:s/	Sử dụng quá nhiều
12	Biodiversity	/baɪəʊdaɪˈvɜ:səti/	Đa dạng sinh học
13	Shelter	/ˈʃeltə(r)/	Chỗ trú ẩn
14	Balance	/ˈbæləns/	Sự cân bằng
15	Conservation	/kɒnsəˈveɪʃn/	Sự bảo tồn
Verb			
1	Provide	/prəˈvaɪd/	Cung cấp
2	Include	/ɪnˈklu:d/	Bao gồm
3	Protect	/prəˈtekt/	Bảo vệ
4	Damage	/ˈdæmɪdʒ/	Phá hủy
5	Destroy	/dɪˈstrɔɪ/	Hủy hoại
6	Restore	/rɪˈstɔ:(r)/	Khôi phục
7	Harm	/hɑ:m/	Gây hại
8	Exist	/ɪgˈzɪst/	Tồn tại

9	Contribute (to)	/kən'trɪbjʊ:t/	Đóng góp, góp phần
10	Surround	/sə'raʊnd/	Bao quanh
11	Disappear	/dɪsə'piə(r)/	Biến mất
12	Recycle	/ri:'saɪkl/	Tái chế
Adjective			
1	Essential	/ɪ'senʃl/	Quan trọng
2	Alternative	/ɔ:l'tɜ:nətɪv/	Thay thế
3	Rare	/reə(r)/	Hiếm
Phrases			
1	Raw material	/rɔ: mə'tɪəriəl/	Vật liệu thô
2	Natural resources	/'nætʃrəl rɪ'sɔ:s/	Tài nguyên thiên nhiên
3	Climate change	/'klaɪmət tʃeɪndʒ/	Biến đổi khí hậu
4	Future generation	/'fju:tʃə(r) dʒenə'reɪʃn/	Thế hệ tương lai
5	Fossil fuel	/'fɒsl 'fju:əl/	Năng lượng hóa thạch
6	Run out of	/rʌn aʊt əv/	Hết, cạn kiệt
7	Tropical forest	/'trɒpɪkl 'fɒrɪst/	Rừng nhiệt đới
8	Endangered species	/'ɪn'deɪndʒəd/	Loài có nguy cơ tuyệt chủng
9	Global warming	/'gləʊbl 'wɔ:mɪŋ/	Việc nóng lên toàn cầu
10	Plastic bottle	/'plæstɪk 'bɒtl/	Chai nhựa
11	Natural disaster	/'nætʃrəl dɪ'zɑ:stə(r)/	Thiên tai

Ex 1: Find the word which has a different sound in the part underlined.

- A. system B. diversity C. extremely D. recycle
- A. fauna B. audition C. laundry D. aunt

- | | | | |
|--------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| 3. A. <u>o</u> rganism | B. ene <u>rg</u> y | C. da <u>m</u> age | D. ex <u>ch</u> ange |
| 4. A. ba <u>ct</u> eria | B. ra <u>r</u> ely | C. ba <u>l</u> ance | D. na <u>t</u> ural |
| 5. A. po <u>ll</u> ution | B. pr <u>o</u> tect | C. co <u>n</u> tribute | D. de <u>st</u> roy |
| 6. A. su <u>r</u> vival | B. i <u>n</u> clude | C. cli <u>m</u> ate | D. wi <u>l</u> dlife |
| 7. A. <u>s</u> helter | B. esse <u>n</u> tial | C. fo <u>s</u> sil | D. <u>s</u> pecial |
| 8. A. su <u>rr</u> ound | B. fo <u>u</u> ntain | C. co <u>u</u> tryside | D. ro <u>u</u> ndabout |
| 9. A. pre <u>d</u> icted | B. respo <u>n</u> ded | C. en <u>d</u> angered | D. co <u>l</u> lected |
| 10. A. fu <u>n</u> ction | B. hu <u>m</u> orous | C. ove <u>r</u> use | D. mu <u>s</u> ician |

Ex II: Choose a word that has a different stress pattern from others.

- | | | | |
|------------------|-----------------|----------------|---------------|
| 1. A. community | B. conservation | C. alternative | D. material |
| 2. A. habitat | B. tropical | C. disappear | D. several |
| 3. A. experience | B. environment | C. vocational | D. generation |
| 4. A. disaster | B. expression | C. avoidable | D. marvellous |
| 5. A. scholar | B. provide | C. hygiene | D. social |
| 6. A. important | B. resources | C. condition | D. medicine |
| 7. A. character | B. attraction | C. appearance | D. exception |
| 8. A. ability | B. exploration | C. collaborate | D. humidity |
| 9. A. separate | B. density | C. located | D. seasonal |
| 10. A. popular | B. scenery | C. visitor | D. geography |

Ex III: Say the words out loud and odd one out.

- | | | | |
|-----------------|------------------|-------------|---------------|
| 1. A. plastic | B. planet | C. nylon | D. cement |
| 2. A. global | B. international | C. national | D. local |
| 3. A. butterfly | B. dragonfly | C. worm | D. elephant |
| 4. A. pollution | B. sunlight | C. water | D. atmosphere |
| 5. A. damage | B. destroy | C. protect | D. ruin |
| 6. A. nowadays | B. future | C. past | D. project |

- | | | | |
|----------------|------------|---------------|----------------|
| 7. A. flora | B. animal | C. trees | D. plants |
| 8. A. kangaroo | B. penguin | C. gorilla | D. tiger |
| 9. A. limited | B. diverse | C. different | D. various |
| 10. A. museum | B. library | C. government | D. post office |

Ex IV: Circle the best word.

1. Cuc Phuong National Park is the home **to/of** different kinds of plants, insects and animals.
2. Do you think people should stop to **damage/damaging** the environment, Jim?
3. If human beings do not save energy, they will run **over/out** of it some day in the future.
4. Tourists can **take/go** a boat to experience nature and wildlife of the national park.
5. What can human do to protect and **restore/repair** the earth's ecosystem?
6. My brother and I fancy **taking/going** on an elephant ride during our trip to Tay Nguyen.
7. Some tougher measures should be **done/taken** to protect the biodiversity of this area.
8. One of my classmates shares these photos with others and **makes/does** jokes about the Linda's weight.
9. The home to many species of plants was **hardly/badly** damaged by a forest fire two years ago. Tra Pham Thu - 0989552182
10. They are organizing a competition to **raise/rise** people's awareness of the importance of ecosystem.

Ex V: Match the words with their definitions.

1. restore		a. the existence of a large number of different kinds of animals and plants which make a balanced environment
------------	--	---

2. damage		b. all the plants and living creatures in a particular area considered in relation to their physical environment
3. ecosystem		c. a basic material that is used to make a product
4. biodiversity		d. all the animals living in an area or in particular period of history
5. flora		e. to bring back a situation or feeling that existed before
6. fauna		f. a supply of something that a country, an organization or a person has to increase their wealth
7. organism		g. the simplest and smallest forms of life which are often a cause of disease
8. resource		h. physical harm caused to something which makes it less attractive, useful or valuable
9. raw material		i. a living thing, especially one that is extremely small
10. bacteria		j. the plants of a particular area